

令和 3 年 10 月

### 南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	16.1 t	7.81	6.4 cm	17.6 °C	
放流量	15.4 t	7.70	50.0 cm	17.7 °C	

(平均値＝別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	287 KWH	2,676 KWH	5.30 t	
日平均使用量	9.3 KWH	86.3 KWH	0.17 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	10台: 4.95t	29台: 44.74t	32台: 19.62t	9台: 26.40t	1台: 2.83t	
前月累計	37台: 17.64t	179台: 365.81t	210台: 160.62t	71台: 228.06t	7台: 18.01t	
年度計	47台: 22.59t	208台: 410.55t	242台: 180.24t	80台: 254.46t	8台: 20.84t	

小計	
月計	81台: 98.54t
前月累計	504台: 790.14t
年度計	585台: 888.68t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	81台: 98.54t
前月累計	1.54t	504台: 791.68t
年度計	1.54t	585台: 890.22t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	12台	246 m <sup>3</sup>
前月累計	158台	1,975 m <sup>3</sup>
年度計	170台	2,222 m <sup>3</sup>

項目	日
搬入日数	20
日平均搬入数量	4.93 t

月	ごみ埋立量	搬入台数
4	133.67 t	94台
5	134.03 t	98台
6	186.18 t	112台
7	118.39 t	70台
8	104.85 t	61台
9	114.56 t	69台
10	98.54 t	81台
11	t	台
12	t	台
1	t	台
2	t	台
3	t	台
計	890.22 t	585台

薬品名	使用量
スケール分散剤	40.00 kg
凝集剤 パック	50.00 kg
凝集助剤 ポリマ	0.60 kg
固形塩素剤	1.00 kg
脱水助剤 104	kg
脱水助剤 94b	kg
アワゼロン	kg
清缶剤	kg
並塩	kg
リン酸	kg
保護マット	枚
汚泥量	m <sup>3</sup>
脱水ケーキ量	t
脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	晴	18 °C	24 °C	13 °C
2		°C	°C	°C
3		°C	°C	°C
4	曇	21 °C	25 °C	10 °C
5	曇	15 °C	18 °C	13 °C
6	晴	15 °C	17 °C	10 °C
7	曇	12 °C	18 °C	4 °C
8	晴	15 °C	18 °C	9 °C
9		°C	°C	°C
10		°C	°C	°C
11	曇	14 °C	17 °C	8 °C
12	晴	13 °C	17 °C	6 °C
13	晴	13 °C	17 °C	5 °C
14	晴	11 °C	17 °C	5 °C
15	晴	14 °C	18 °C	13 °C
16		°C	°C	°C
17		°C	°C	°C
18	晴	6 °C	11 °C	1 °C
19	曇	8 °C	15 °C	1 °C
20	雨	7 °C	8 °C	7 °C
21	曇	6 °C	10 °C	5 °C
22	晴	5 °C	11 °C	-1 °C
23		°C	°C	°C
24		°C	°C	°C
25	晴	9 °C	15 °C	1 °C
26	晴/雨	8 °C	15 °C	4 °C
27	晴	10 °C	15 °C	6 °C
28	雨/曇	12 °C	14 °C	9 °C
29	晴	11 °C	11 °C	7 °C
30		°C	°C	°C
31		°C	°C	°C